

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo
Ngày 06/02/2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2022/NĐ-CP, Nghị định số 373/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, chuyển nhượng tài sản mã hóa

1. Tổ chức có hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP (sau đây gọi là Tổ chức cung cấp dịch vụ), tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt

Nam có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa trên thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam thực hiện kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế như sau:

a) Kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng

Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định tại Mục 2 – Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 373/2025/NĐ-CP.

Mẫu biểu hồ sơ khai thuế tại Mục II. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng – Phụ lục II Danh mục mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2025/TT-BTC.

b) Khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Mục 7 – Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 373/2025/NĐ-CP.

Mẫu biểu hồ sơ khai thuế thực hiện theo mẫu tại Mục VI. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp – Phụ lục II Danh mục mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2025/TT-BTC.

Tổ chức cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp Việt Nam phải xác định số thuế tạm nộp hàng quý để nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2022/NĐ-CP. Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp được trừ với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán thuế năm. Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính, Tổ chức cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp Việt Nam phải nộp hồ sơ quyết toán thuế năm.

c) Người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử. Cơ quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ khai thuế là cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định tại Chương IV, chương VI Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức nước ngoài), cá nhân (bao gồm cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú) có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa trên thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 4. Trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ của Tổ chức cung cấp dịch vụ

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ có trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay số thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa mà tổ chức nước ngoài thực hiện thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ; khấu trừ, nộp thuế thay số thuế thu nhập cá nhân phát sinh đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa mà cá nhân thực hiện thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ.

2. Thời điểm thực hiện khấu trừ, xác định số thuế phải khấu trừ

a) Thời điểm thực hiện khấu trừ: Tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa của tổ chức nước ngoài và cá nhân tại thời điểm xác nhận giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa thành công.

b) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải thực hiện khấu trừ được xác định theo tỷ lệ 0,1 phần trăm (%) trên doanh thu chuyển nhượng từng lần đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa của tổ chức nước ngoài. Số thuế thu nhập cá nhân phải thực hiện khấu trừ được xác định theo tỷ lệ 0,1 phần trăm (%) trên doanh thu chuyển nhượng từng lần đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa của cá nhân.

c) Doanh thu của mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa thực hiện theo quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC hướng dẫn thực hiện chính sách thuế trên thị trường tài sản mã hóa.

3. Kê khai và nộp số thuế đã khấu trừ

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện kê khai số thuế đã khấu trừ theo tháng.

b) Hồ sơ kê khai số thuế đã khấu trừ gồm:

b.1) Tờ khai khấu trừ thuế đối với tổ chức nước ngoài và cá nhân có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 01/TSMH ban hành kèm theo Thông tư này.

b.2) Bảng kê chi tiết số thuế đã khấu trừ của tổ chức nước ngoài và cá nhân có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 01-1/BK-TSMH ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Tổ chức cung cấp dịch vụ lập Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế theo Mẫu số 01/BKNT-TSMH kèm theo Thông tư này gửi đến cơ quan thuế quản lý sau khi hoàn thành nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

d) Hình thức, thời hạn nộp hồ sơ kê khai và nộp số thuế đã khấu trừ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

Thời hạn lập, gửi Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế cùng với thời hạn nộp thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Trường hợp khai bổ sung hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót.

4. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp Tổ chức cung cấp dịch vụ là Chi cục Thuế Thương mại điện tử.

Điều 5. Trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ

1. Thực hiện khấu trừ thuế, kê khai số thuế đã khấu trừ, nộp số thuế đã khấu trừ chính xác, đầy đủ theo thông tin cung cấp của tổ chức nước ngoài và cá nhân theo quy định của pháp luật quản lý thuế; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế.

2. Thực hiện quản lý tài khoản của các nhà đầu tư; lưu giữ đầy đủ, chính xác dữ liệu giao dịch, chuyển nhượng tài sản mã hóa phát sinh theo từng giao dịch, thông tin và tài liệu liên quan đến việc xác định số thuế phải khấu trừ, số thuế đã khấu trừ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Cấp chứng từ khấu trừ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa theo Mẫu số 01/CTKT-TSMH ban hành kèm theo Thông tư này theo năm bằng phương thức điện tử cho người nộp thuế.

4. Tổ chức xây dựng, vận hành hệ thống công nghệ thông tin và quản lý dữ liệu giao dịch tài sản mã hóa bảo đảm khả năng trích xuất, có khả năng tổng hợp theo năm và chuyển đổi dữ liệu theo định dạng phù hợp với hệ thống quản lý của cơ quan thuế.

5. Cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026 (ngày ký) và được thực hiện thí điểm theo thời gian thực hiện thí điểm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Thuế tỉnh, thành phố, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính; Website Cục Thuế;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CT (VT, CS (b)).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn